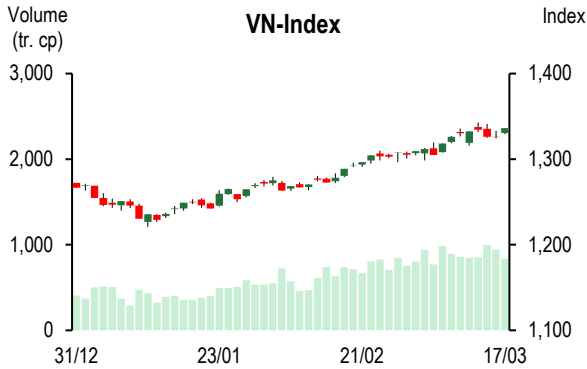


17/03/2025	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá đóng cửa	1,336.26	0.76%	1,394.90	0.57%	246.77	1.67%
Tổng KLGD (tr. cp)	971.73	-5.06%	418.39	0.84%	58.97	-22.24%
KLGD khớp lệnh (tr. cp)	837.95	-10.91%	352.39	-5.97%	56.58	-22.48%
TB 20 phiên (tr. cp)	820.84	2.08%	269.88	30.57%	65.61	-13.76%
Tổng GTGD (tỷ VND)	20,692	-10.30%	10,645	-13.55%	1,058	-18.74%
GTGD khớp lệnh (tỷ VND)	18,035	-15.50%	9,327	-16.92%	1,021	-18.37%
TB 20 phiên (tỷ VND)	18,013	0.12%	8,243	13.15%	1,157	-11.72%
Số mã tăng	270	51%	17	57%	115	49%
Số mã giảm	185	35%	9	30%	64	27%
Số mã đứng giá	79	15%	4	13%	58	24%



ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường lấy lại sắc xanh với độ rộng nghiêng về bên mua. Dù vậy, thanh khoản sụt giảm cho thấy động lực mua lên chưa thật sự thuyết phục. Tâm lý lạc quan trở lại cùng với đà phục hồi của chứng khoán toàn cầu. Đà tăng được thúc đẩy từ thị trường Trung quốc khi Chính phủ Trung đã chỉ đạo các ngân hàng và tổ chức tài chính mở rộng tín dụng tiêu dùng và khuyến khích tăng cường sử dụng thẻ tín dụng nhằm thúc đẩy chi tiêu trong nước. Bên cạnh đó, phố Wall cũng khởi sắc khi Thượng viện Mỹ thông qua dự luật để cấp ngân sách cho chính phủ đến cuối năm tài chính hiện tại, tránh nguy cơ đóng cửa vào ngay phút chót. Trở lại diễn biến trong nước, dòng tiền phân hóa nhiều hơn vào câu chuyện riêng của doanh nghiệp. Chiều tăng nổi bật ghi nhận ở nhóm Bất động sản, Ngân hàng, Dầu khí, ngược lại, nhóm Viễn thông, Công nghệ, Cao su, phản ứng kém khả quan. Về mặt điểm số, tác động tích cực lên đà tăng là lực kéo từ VCB, VPB, BCM, trong khi FPT, GVR, MSN kìm hãm. Khối ngoại trở lại mua ròng giá trị 204,1 tỷ đồng, tập trung ở VCB, VCI, VHM.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Về mặt kỹ thuật, mặc dù Vn-Index phục hồi tốt trong phiên nhưng khớp lệnh chưa thật sự đồng thuận cùng với sự phân hóa đang diễn ra, điều này hàm ý vận động vẫn mang tính chất củng cố trong nhịp điều chỉnh. Diễn biến ở VN30 có phần giằng co hơn với mẫu hình nền spinning top, trong khi HNX-Index đã bút phá mạnh khỏi kháng cự với việc thiết lập nền marubozu, dù vậy, thanh khoản ở mức thấp cho thấy đà tăng chưa thuyết phục và cần tiếp theo là ngưỡng 250 sẽ gây thách thức. Việc VN-Index tiếp cận kháng cự 1340 điểm trong các phiên tới sẽ cần theo dõi thêm, nếu lực cầu không đủ mạnh để vượt lên hẳn, chỉ số có thể tạo mẫu hình hai đỉnh đi xuống. Tuy nhiên, kịch bản được kỳ vọng là thị trường vẫn sẽ ổn định trong biên ngang để tích lũy thêm. Chiến lược chung: Nắm giữ, chưa vội hưng phấn, cơ cấu dứt khoát nếu có cổ phiếu bị vi phạm.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ: Nắm giữ DPM
(Xem chi tiết ở trang 2)

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT
Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DPM	Nắm giữ	18/03/2025	35.70	36.85	-3.1%	40.0	8.5%	35.5	-3.7%	Điều chỉnh về hỗ trợ

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	QTP	Nắm giữ	26/02/2025	13.88	13.80	0.6%	15	8.7%	13.6	-1.4%	Nâng stop loss 13.6
2	NTP	Nắm giữ	05/03/2025	66.60	64.10	3.9%	72	12.3%	60	-6%	
3	TVN	Nắm giữ	06/03/2025	8.72	8.75	-0.3%	10	14.3%	8.3	-5%	
4	IJC	Nắm giữ	11/03/2025	15.80	14.85	6.4%	17	14.5%	14.6	-2%	Nâng stop loss 14.6
5	SZC	Nắm giữ	14/03/2025	44.55	45.95	-3.0%	51	11.0%	43.5	-5%	
6	DPM	Nắm giữ	18/03/2025	35.70	36.85	-3.1%	40	9%	35.5	-4%	
7	ANV	Mua	07/03/2025	17.20	17.45	-1.4%	19	8.9%	16.5	-5%	
8	HDB	Mua	10/03/2025	23.40	23.4	0.0%	26	11%	22.5	-4%	
9	KBC	Mua	12/03/2025	29.75	30.3	-1.8%	34	12.2%	28.5	-6%	
10	SSI	Mua	12/03/2025	27	26.7	1.1%	29	9%	25.5	-4%	

TIN TỨC TRONG NGÀY

Tin trong nước

NHNN bơm ròng gần 24.500 tỷ trong tuần, lãi suất liên ngân hàng tăng nhẹ

Trong tuần 10/3-14/3, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã cho các thành viên vay tổng cộng hơn 58.381 tỷ đồng với lãi suất 4% trên kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá. Cùng thời gian trên, khối lượng đáo hạn lên tới hơn 35.935 tỷ đồng. Như vậy, tổng bơm ròng qua kênh này là 22.446 tỷ đồng.

Trên kênh tín phiếu, nhà điều hành đã ngừng phát hành từ ngày 5/3, tuy nhiên có gần 2.000 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn, do đó lượng bơm ròng qua kênh này là gần 2.000 tỷ đồng. Tổng cộng trong tuần qua (từ 10/3 đến 14/3) NHNN đã bơm ròng 24.446 tỷ đồng.

Trên thị trường liên ngân hàng, lãi suất qua đêm có xu hướng tăng trong tuần qua, lãi suất liên ngân hàng bắt đầu ở mức 4,19% vào phiên đầu tuần (ngày 10/3) và tăng lên mức 4,81% vào ngày 12/3, sau đó quay đầu giảm xuống 4,57% tại ngày 13/3 (giảm 1,52 điểm % so với mức đỉnh ghi nhận ngày 4/11/2024 với 6,09%/năm). Trong khi đó, lãi suất các kỳ hạn từ một tuần tới ba tháng tại phiên 13/3 hiện dao động từ 4,56% - 4,91%, đều tăng nhẹ so với phiên đầu tuần.

Ngành cá tra Việt Nam hưởng lợi từ chính sách thuế mới của Mỹ

Dự báo của Rabobank về ngành nuôi trồng thủy sản toàn cầu năm 2025 cho thấy sản lượng cá tra sẽ tăng khoảng 7% so với năm trước. Việt Nam vẫn giữ vị thế là nhà cung cấp hàng đầu, với sản lượng và kim ngạch xuất khẩu năm 2024 đều ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng. Mặc dù Trung Quốc, Ấn Độ và Indonesia đang nỗ lực gia tăng cạnh tranh, Việt Nam vẫn có nhiều lợi thế nhờ sự thay đổi trong chính sách thuế của Mỹ.

Theo số liệu từ Hải quan Việt Nam, nửa đầu tháng 2/2025, xuất khẩu cá tra đạt hơn 75 triệu USD, tăng mạnh 118% so với cùng kỳ năm trước. Tính đến ngày 15/2/2025, tổng kim ngạch xuất khẩu cá tra đã vượt 208 triệu USD, cao hơn 5% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, Trung Quốc, Mỹ và Brazil tiếp tục là ba thị trường nhập khẩu lớn nhất, mặc dù lượng xuất khẩu sang Trung Quốc giảm 8% so với năm ngoái.

Ngành cá tra Việt Nam đang có những tín hiệu khởi sắc, đặc biệt sau khi đạt kim ngạch xuất khẩu hơn 2 tỷ USD trong năm 2024. Việc Mỹ áp thuế mới đối với cá rô phi Trung Quốc được kỳ vọng tạo lợi thế lớn cho cá tra Việt Nam trong thời gian tới.

Bật tăng phiên đầu tuần, giá vàng SJC vượt qua mốc 96 triệu đồng mỗi lượng

Giá vàng trong nước tiếp tục đi lên phiên sáng 17/3, trong đó thương hiệu SJC tại các doanh nghiệp vượt qua ngưỡng 96 triệu đồng/lượng. Công ty vàng bạc đá quý Sài Gòn và Công ty Doji cùng điều chỉnh giá mua và bán vàng SJC lên ngưỡng 94,80-96,10 triệu đồng/lượng, tăng 300.000 đồng/lượng so với chốt phiên trước.

Trong tuần trước, giá vàng SJC tăng tổng cộng 2,7 triệu đồng/lượng còn vàng nhẫn tăng 3,1 triệu đồng/lượng, nhưng vì điều chỉnh nhanh hơn nên giá vàng nhẫn đang cao hơn thương hiệu SJC 600.000 đồng/lượng.

Trên thế giới, giá vàng dao động quanh ngưỡng 2.991 USD/ounce, tăng gần 3 USD so với cùng thời điểm phiên trước. Mức giá này tương đương 92,55 triệu đồng/lượng khi quy đổi theo tỷ giá USD tại Vietcombank.

Nguồn: Vietstock, Fireant, Vietnambiz

Tin doanh nghiệp niêm yết

MWG: Sếp Thế Giới Di Động hé lộ doanh thu vượt trội sau khi giảm 400 cửa hàng

Lũy kế hai tháng đầu năm Thế Giới Di Động, Điện máy Xanh và TopZone ghi nhận doanh thu thuần đạt 17.000 tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ năm ngoái dù đã giảm đi 400 cửa hàng. Trước đó, Thế Giới Di Động đã hé lộ kế hoạch 2025 với mục tiêu doanh thu thuần đạt 150.000 tỷ và lợi nhuận sau thuế 4.850 tỷ đồng, lần lượt tăng 12% và 30% so với thực hiện 2024.

Biwase và TDM lãi đột biến trong 2 tháng đầu năm

CTCP - Tổng công ty nước - môi trường Bình Dương (Biwase, HOSE: BWE) và CTCP Nước Thủ Dầu Một (HOSE: TDM) vừa công bố kết quả kinh doanh ước tính 2 tháng đầu năm 2025 với nhiều điểm sáng.

Biwase ghi nhận tổng doanh thu 504 tỷ đồng và lãi ròng 101 tỷ đồng trong 2 tháng đầu năm, lần lượt tăng 108% và 114% so với cùng kỳ 2024. Công ty thực hiện được 17% kế hoạch doanh thu và 19.4% mục tiêu lợi nhuận năm. Riêng lĩnh vực xử lý nước thải, Biwase ước tính doanh thu chưa xuất hóa đơn đến tháng 2/2025 đạt gần 86 tỷ đồng. Biwase sẽ tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2025 vào ngày 26/03, trong đó đáng chú ý là kế hoạch chia cổ tức tối thiểu 13% bằng tiền mặt, dự chi gần 286 tỷ đồng.

TDM cũng ghi nhận kết quả kinh doanh khởi sắc trong 2 tháng đầu năm. Tổng doanh thu đạt gần 174 tỷ đồng và lãi ròng hơn 133 tỷ đồng, lần lượt tăng 163% và 507% so với cùng kỳ năm trước. Công ty thực hiện được 27% kế hoạch doanh thu và 45% mục tiêu lợi nhuận năm. Kết quả đột biến chủ yếu đến từ doanh thu tài chính hơn 107 tỷ đồng, chiếm hơn 61% tổng doanh thu, gấp hơn 96 lần cùng kỳ. Tuy nhiên, Công ty chưa thuyết minh chi tiết khoản thu này, nhiều khả năng đến từ cổ tức và lợi nhuận được chia từ các đơn vị thành viên. Dự kiến, TDM sẽ hưởng lợi lớn khi Biwase trả cổ tức 13% bằng tiền mặt (1,300 đồng/cp) vào ngày 24/06/2025.

REE: Lên kế hoạch phát hành 500.000 cổ phiếu ESOP

CTCP Cơ Điện Lạnh (MCK: REE) vừa công bố bổ sung tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm tài chính 2024, dự kiến tổ chức vào ngày 1/4 tại TP.HCM. Tài liệu bổ sung là tờ trình ĐHĐCĐ thường niên về phương án phát hành 500.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP) 2025 với giá ưu đãi 10.000 đồng/cổ phiếu. Cổ phiếu ESOP bị hạn chế chuyển nhượng trong 3 năm, dự kiến thực hiện trong quý I/2026.

Nguồn: Vietstock, Fireant

THÔNG KÊ THỊ TRƯỜNG
TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX
HOSE

Mã CK	Giá đóng cửa	% thay đổi	% tác động
VCB	67,300	1.97%	0.20%
VPB	20,200	3.06%	0.09%
BCM	81,800	3.54%	0.05%
HVN	28,900	3.77%	0.04%
SHB	11,250	5.14%	0.04%

HNX

Mã CK	Giá đóng cửa	% thay đổi	% tác động
KSF	72,700	9.98%	0.51%
SCG	73,900	9.97%	0.15%
CEO	15,600	4.70%	0.10%
THD	38,300	2.41%	0.09%
VIF	18,800	4.44%	0.07%

TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX
HOSE

Mã CK	Giá đóng cửa	% thay đổi	% tác động
FPT	130,000	-1.07%	-0.04%
GVR	33,050	-0.75%	-0.02%
MSN	70,500	-0.84%	-0.02%
VTP	140,000	-4.37%	-0.01%
LPB	34,700	-0.72%	-0.01%

HNX

Mã CK	Giá đóng cửa	% thay đổi	% tác động
KSV	194,700	-5.02%	-0.53%
DNP	19,200	-5.88%	-0.04%
VIT	19,500	-8.45%	-0.02%
IDC	54,100	-0.37%	-0.02%
BCF	41,000	-3.98%	-0.01%

TOP 5 GIAO DỊCH KHỚP LỆNH
HOSE

Mã CK	Khối lượng khớp lệnh (cổ phiếu)	Giá trị khớp lệnh (tỷ đồng)
VPB	71,559,132	1,437.3
SHB	94,613,477	1,066.8
FPT	6,750,806	880.6
MBB	25,621,471	621.0
HPG	19,738,337	551.9

HNX

Mã CK	Khối lượng khớp lệnh (cổ phiếu)	Giá trị khớp lệnh (tỷ đồng)
CEO	11,855,823	182.4
SHS	9,882,512	149.2
MBS	2,258,842	69.1
THD	1,343,059	51.4
PVS	1,418,898	46.6

TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN
HOSE

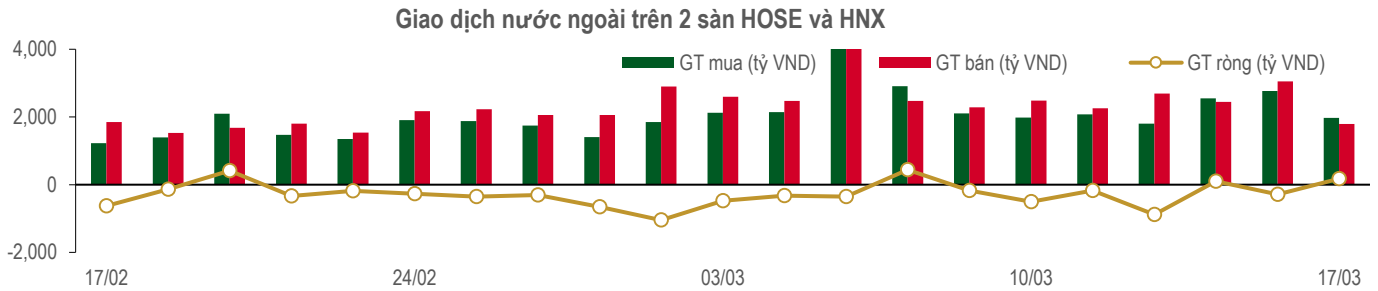
Mã CK	Khối lượng thỏa thuận (cổ phiếu)	GT thỏa thuận (tỷ đồng)
EIB	33,810,200	682.0
SHB	36,029,006	409.2
TCB	12,391,311	339.7
VPB	8,000,001	160.3
VCG	7,241,000	152.0

HNX

Mã CK	Khối lượng khớp lệnh (cổ phiếu)	Giá trị thỏa thuận (tỷ đồng)
NAG	1,005,000	11.9
PVI	129,000	8.6
CEO	460,000	6.9
SD5	454,000	4.7
IDC	68,000	3.4

THÔNG KÊ GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Sàn	Khối lượng mua (triệu cổ phiếu)	Giá trị mua (tỷ đồng)	Khối lượng bán (triệu cổ phiếu)	Giá trị bán (tỷ đồng)	Khối lượng ròng (triệu cổ phiếu)	Giá trị ròng (tỷ đồng)
HOSE	69.12	1,944.82	54.03	1,739.43	15.10	205.39
HNX	1.31	23.89	2.06	57.21	(0.75)	(33.32)
Tổng 2 sàn	70.43	1,968.71	56.09	1,796.64	14.34	172.06


TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỎI NGOẠI
HOSE

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
VCB	67,300	3,274,235	219.42
NLG	35,300	3,170,300	109.54
VCI	39,450	2,543,577	99.91
VHM	47,800	1,976,311	94.10
VIC	52,100	1,705,373	88.58

HNX

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
CEO	15,600	323,500	4.96
VFS	16,500	240,500	3.94
NTP	66,600	60,600	3.93
SHS	15,000	200,200	3.02
HUT	16,500	78,979	1.29

TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỎI NGOẠI
HOSE

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
FPT	130,000	2,635,395	343.63
NLG	35,300	2,641,713	91.34
VPB	20,200	3,272,600	65.54
BCM	81,800	685,600	54.74
MWG	62,000	882,551	54.34

HNX

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
IDC	54,100	514,000	27.85
SHS	15,000	857,200	12.93
PVS	32,900	196,250	6.42
MBS	30,700	50,100	1.53
LAS	18,700	80,500	1.52

TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỎI NGOẠI
HOSE

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
VCB	67,300	2,516,447	168.63
VCI	39,450	1,835,247	72.06
VHM	47,800	1,364,902	64.95
VIC	52,100	1,245,789	64.74
VPI	56,700	839,654	47.29

HNX

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
CEO	15,600	323,300	4.96
NTP	66,600	56,300	3.65
VFS	16,500	202,900	3.32
HUT	16,500	69,379	1.13
NRC	6,000	139,600	0.81

TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI
HOSE

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
FPT	130,000	(2,160,859)	(281.72)
BCM	81,800	(604,200)	(48.16)
HPG	27,850	(1,682,619)	(47.00)
PNJ	87,900	(536,753)	(46.60)
DGC	107,000	(306,062)	(32.70)

HNX

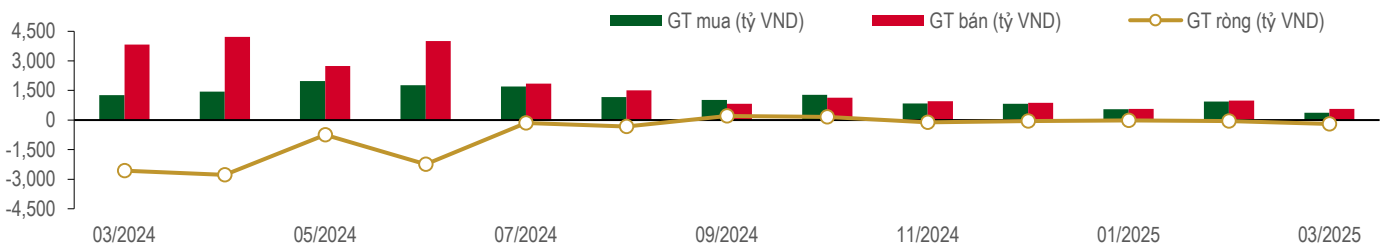
Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
IDC	54,100	(514,000)	(27.85)
SHS	15,000	(657,000)	(9.92)
PVS	32,900	(193,250)	(6.33)
LAS	18,700	(77,600)	(1.46)
VTZ	16,900	(82,100)	(1.39)

THÔNG KÊ GIAO DỊCH CÁC CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
THÔNG KÊ GIÁ

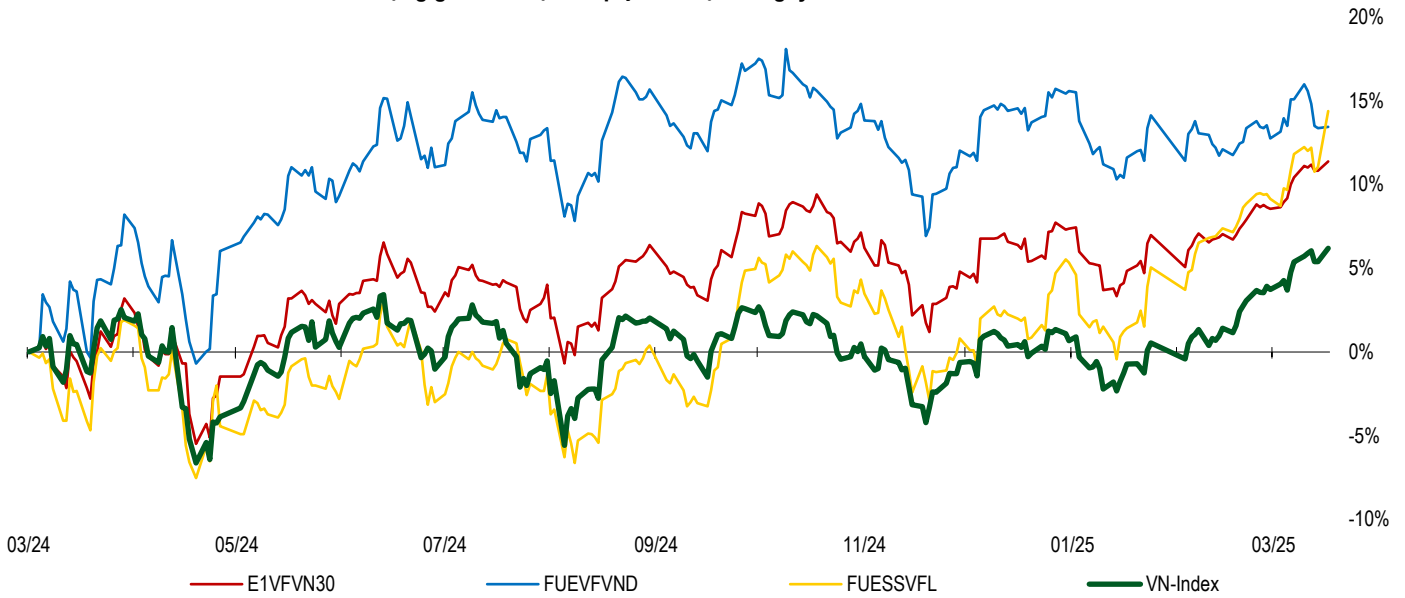
Mã CK	% thay đổi	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
E1VFN30	0.5%	174,292	4.24
FUEMAV30	-0.1%	246,539	4.12
FUESSV30	0.2%	4,005	0.07
FUESSV50	1.0%	32,400	0.67
FUESSVFL	3.0%	488,500	11.46
FUEVFN30	0.1%	504,298	16.46
FUEVN100	2.1%	90,387	1.68
FUEIP100	3.4%	1,100	0.01
FUEKIV30	0.1%	500	0.00
FUEDCMID	1.1%	2,900	0.04
FUEKIVFS	0.8%	19,900	0.28
FUEMAVND	-0.4%	311,100	4.26
FUEFCV50	-0.1%	5,102	0.06
FUEBFVND	0.0%	0	0.00
FUEKIVND	0.4%	200	0.00
FUEABVND	0.0%	0	0.00
Tổng cộng		1,881,223	43.36

MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI

Mã CK	Giá trị mua (tỷ đồng)	Giá trị bán (tỷ đồng)	Giá trị ròng (tỷ đồng)
E1VFN30	0.01	2.36	(2.35)
FUEMAV30	0.09	4.10	(4.01)
FUESSV30	0.02	0.01	0.00
FUESSV50	0.00	0.19	(0.18)
FUESSVFL	3.80	9.64	(5.84)
FUEVFN30	3.14	11.14	(8.00)
FUEVN100	0.16	0.71	(0.55)
FUEIP100	0.00	0.00	0.00
FUEKIV30	0.00	0.00	0.00
FUEDCMID	0.00	0.01	(0.01)
FUEKIVFS	0.00	0.27	(0.27)
FUEMAVND	4.25	0.02	4.23
FUEFCV50	0.00	0.00	0.00
FUEBFVND	0.00	0.00	0.00
FUEKIVND	0.00	0.00	0.00
FUEABVND	0.00	0.00	0.00
Tổng cộng	11.47	28.44	(16.97)

Giao dịch ròng các ETF nội của khối ngoại


Biến động giá của một số quỹ ETF nội từ ngày 01/03/2024-17/03/2025


THỐNG KÊ GIAO DỊCH CHỨNG QUYỀN CÓ ĐẢM BẢO

Mã chứng quyền (*)	Giá đóng cửa (VND)	Thay đổi (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**)	Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND)	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày GDCC
CACB2403	460	9.5%	941,900	42	26,200	366	(94)	25,000	4.00	24/04/2025
CACB2404	690	0.0%	2,569,645	133	26,200	503	(187)	25,000	4.00	24/07/2025
CACB2405	670	1.5%	700	58	26,200	310	(360)	25,500	4.00	12/05/2025
CACB2501	1,090	2.8%	200	133	26,200	787	(303)	24,500	3.00	24/07/2025
CACB2502	1,900	3.3%	42,400	374	26,200	784	(1,116)	28,000	2.00	24/03/2026
CACB2503	1,440	3.6%	56,200	224	26,200	690	(750)	27,000	2.00	23/10/2025
CACB2504	850	19.7%	3,104,800	70	26,200	509	(341)	26,000	2.00	22/05/2025
CACB2505	1,460	0.7%	1,000	206	26,200	544	(916)	26,300	3.00	07/10/2025
CACB2506	740	0.0%	0	105	26,200	322	(418)	27,400	2.00	26/06/2025
CFPT2402	4,000	-20.3%	73,200	133	130,000	1,587	(2,413)	134,064	3.97	24/07/2025
CFPT2403	2,330	0.4%	23,900	42	130,000	654	(1,676)	134,064	3.97	24/04/2025
CFPT2404	2,950	3.1%	16,600	232	130,000	1,117	(1,833)	120,161	14.90	31/10/2025
CFPT2405	2,400	0.8%	15,700	150	130,000	696	(1,704)	134,064	9.93	12/08/2025
CFPT2406	300	-23.1%	24,200	11	130,000	0	(300)	147,658	24.83	26/03/2025
CFPT2407	470	-4.1%	1,000	105	130,000	22	(448)	158,692	24.83	26/06/2025
CFPT2501	400	0.0%	1,175,400	133	130,000	83	(317)	160,000	10.00	24/07/2025
CFPT2502	650	-14.5%	449,700	224	130,000	119	(531)	170,000	10.00	23/10/2025
CFPT2503	1,030	-7.2%	162,700	374	130,000	203	(827)	180,000	10.00	24/03/2026
CFPT2504	340	-5.6%	1,152,900	70	130,000	15	(325)	160,000	10.00	22/05/2025
CFPT2505	1,530	-5.6%	182,700	298	130,000	381	(1,149)	158,000	10.00	07/01/2026
CFPT2506	340	-10.5%	126,200	105	130,000	38	(302)	164,000	8.00	26/06/2025
CFPT2507	760	-6.2%	137,000	141	130,000	178	(582)	155,000	8.00	01/08/2025
CFPT2508	2,390	-11.5%	139,600	325	130,000	489	(1,901)	160,000	8.00	03/02/2026
CHDB2401	50	0.0%	115,200	11	23,400	6	(44)	25,017	3.34	26/03/2025
CHDB2501	660	11.9%	326,300	105	23,400	362	(298)	24,800	2.00	26/06/2025
CHPG2402	680	6.3%	462,000	65	27,850	318	(362)	28,177	2.73	19/05/2025
CHPG2406	1,020	0.0%	364,200	225	27,850	483	(537)	28,000	4.00	24/10/2025
CHPG2407	670	1.5%	691,700	42	27,850	515	(155)	26,000	4.00	24/04/2025
CHPG2408	900	2.3%	174,600	133	27,850	491	(409)	27,000	4.00	24/07/2025
CHPG2409	2,100	1.4%	87,800	232	27,850	1,273	(827)	25,000	3.00	31/10/2025
CHPG2410	1,050	6.1%	2,000	150	27,850	384	(666)	28,000	4.00	12/08/2025

CHPG2411	50	0.0%	1,299,400	11	27,850	1	(49)	29,999	4.00	26/03/2025
CHPG2412	330	6.5%	696,900	105	27,850	65	(265)	31,333	4.00	26/06/2025
CHPG2501	1,270	-0.8%	1,170,700	101	27,850	945	(325)	25,500	3.00	24/06/2025
CHPG2502	1,280	-20.0%	10,700	193	27,850	678	(602)	27,500	3.00	24/09/2025
CHPG2503	1,230	1.7%	65,500	70	27,850	766	(464)	27,000	2.00	22/05/2025
CHPG2504	1,800	3.4%	59,300	224	27,850	740	(1,060)	29,000	2.00	23/10/2025
CHPG2505	2,530	2.4%	62,500	374	27,850	879	(1,651)	30,000	2.00	24/03/2026
CHPG2506	1,320	2.3%	2,900	298	27,850	596	(724)	27,800	4.00	07/01/2026
CHPG2507	600	-10.4%	56,600	105	27,850	311	(289)	29,600	2.00	26/06/2025
CHPG2508	2,290	2.2%	5,000	220	27,850	1,225	(1,065)	27,000	2.00	21/10/2025
CHPG2509	1,200	-2.4%	21,200	141	27,850	490	(710)	28,000	3.00	01/08/2025
CHPG2510	1,500	0.0%	27,500	325	27,850	650	(850)	29,000	3.00	03/02/2026
CMBB2402	2,850	11.3%	195,900	65	24,300	2,370	(480)	20,403	1.70	19/05/2025
CMBB2405	850	-7.6%	2,975,600	133	24,300	723	(127)	22,590	3.48	24/07/2025
CMBB2406	820	-5.7%	445,300	42	24,300	777	(43)	21,721	3.48	24/04/2025
CMBB2407	1,860	0.5%	1,185,200	232	24,300	1,729	(131)	22,590	1.74	31/10/2025
CMBB2408	200	-13.0%	60,500	11	24,300	111	(89)	24,134	4.34	26/03/2025
CMBB2409	570	0.0%	34,600	105	24,300	222	(348)	25,099	4.34	26/06/2025
CMBB2501	1,720	-0.6%	102,000	133	24,300	1,480	(240)	20,852	2.61	24/07/2025
CMBB2502	2,270	-3.0%	63,500	70	24,300	2,081	(189)	20,852	1.74	22/05/2025
CMBB2503	2,460	-3.5%	59,500	224	24,300	1,708	(752)	22,590	1.74	23/10/2025
CMBB2504	2,910	-1.7%	52,400	374	24,300	1,783	(1,127)	23,459	1.74	24/03/2026
CMBB2505	1,980	1.0%	39,500	388	24,300	1,174	(806)	22,800	3.00	07/04/2026
CMBB2506	1,750	0.0%	0	105	24,300	1,183	(567)	23,025	1.74	26/06/2025
CMBB2507	2,040	-1.9%	10,100	325	24,300	1,308	(732)	24,000	2.00	03/02/2026
CMBB2508	1,610	0.0%	0	141	24,300	1,143	(467)	23,000	2.00	01/08/2025
CMSN2404	1,110	-5.1%	52,200	133	70,500	421	(689)	79,000	4.00	24/07/2025
CMSN2405	290	-17.1%	255,500	42	70,500	68	(222)	79,000	4.00	24/04/2025
CMSN2406	900	-1.1%	202,800	232	70,500	516	(384)	79,000	6.00	31/10/2025
CMSN2407	30	0.0%	207,500	11	70,500	0	(30)	83,456	10.00	26/03/2025
CMSN2408	190	-5.0%	945,000	105	70,500	40	(150)	85,678	10.00	26/06/2025
CMSN2501	690	-4.2%	630,900	101	70,500	418	(272)	72,000	8.00	24/06/2025
CMSN2502	820	-11.8%	413,100	70	70,500	438	(382)	73,000	5.00	22/05/2025
CMSN2503	1,840	-4.2%	166,200	224	70,500	853	(987)	75,000	5.00	23/10/2025
CMSN2504	500	-7.4%	116,700	105	70,500	383	(117)	77,700	4.00	26/06/2025
CMWG2401	1,600	-0.6%	6,700	65	62,000	409	(1,191)	65,479	3.97	19/05/2025
CMWG2405	480	-12.7%	474,800	42	62,000	221	(259)	66,000	4.00	24/04/2025
CMWG2406	1,280	-5.2%	64,100	133	62,000	681	(599)	66,000	4.00	24/07/2025
CMWG2407	670	0.0%	27,200	232	62,000	489	(181)	70,000	6.00	31/10/2025
CMWG2408	710	-1.4%	200	58	62,000	269	(441)	65,000	6.00	12/05/2025
CMWG2409	70	0.0%	100	11	62,000	1	(69)	68,888	10.00	26/03/2025
CMWG2410	340	-5.6%	295,600	105	62,000	105	(235)	70,777	10.00	26/06/2025
CMWG2501	1,100	-8.3%	32,600	101	62,000	761	(339)	62,000	5.00	24/06/2025
CMWG2502	1,150	-8.7%	371,300	70	62,000	835	(315)	60,000	5.00	22/05/2025
CMWG2503	1,850	-3.1%	206,600	224	62,000	1,068	(782)	63,000	5.00	23/10/2025
CMWG2504	2,270	-2.6%	63,300	374	62,000	1,198	(1,072)	66,000	5.00	24/03/2026
CMWG2505	1,800	1.7%	100	206	62,000	1,012	(788)	61,000	6.00	07/10/2025
CMWG2506	580	0.0%	5,400	105	62,000	650	70	66,900	3.00	26/06/2025
CSHB2401	900	2.3%	134,800	58	11,250	547	(353)	10,365	1.80	12/05/2025
CSHB2402	490	28.9%	424,800	11	11,250	579	89	10,215	1.80	26/03/2025
CSHB2403	640	-3.0%	281,400	105	11,250	320	(320)	11,116	1.80	26/06/2025
CSHB2501	1,170	-0.8%	147,100	101	11,250	809	(361)	9,915	1.80	24/06/2025
CSSB2401	80	-11.1%	462,300	11	19,800	53	(27)	19,999	4.00	26/03/2025
CSTB2402	3,130	4.7%	17,601	65	38,850	3,002	(128)	30,000	3.00	19/05/2025
CSTB2408	960	4.3%	255,700	42	38,850	813	(147)	36,000	4.00	24/04/2025
CSTB2409	1,370	5.4%	216,300	133	38,850	1,060	(310)	36,000	4.00	24/07/2025
CSTB2410	1,490	4.2%	44,200	232	38,850	1,307	(183)	38,000	3.00	31/10/2025
CSTB2411	1,680	0.0%	0	58	38,850	1,288	(392)	34,000	4.00	12/05/2025
CSTB2412	300	0.0%	280,800	11	38,850	191	(109)	38,686	4.00	26/03/2025

CSTB2413	890	2.3%	145,700	105	38,850	470	(420)	39,679	4.00	26/06/2025
CSTB2501	2,370	3.9%	5,100	101	38,850	1,969	(401)	33,500	3.00	24/06/2025
CSTB2502	2,440	2.5%	100	193	38,850	1,704	(736)	35,500	3.00	24/09/2025
CSTB2503	2,550	2.0%	146,400	70	38,850	2,188	(362)	35,000	2.00	22/05/2025
CSTB2504	3,000	2.0%	52,000	224	38,850	1,928	(1,072)	38,000	2.00	23/10/2025
CSTB2505	2,040	2.0%	2,000	206	38,850	921	(1,119)	40,000	3.00	07/10/2025
CSTB2506	1,710	0.0%	0	105	38,850	1,327	(383)	38,100	2.00	26/06/2025
CTCB2403	850	2.4%	137,700	232	27,450	646	(204)	26,000	5.00	31/10/2025
CTCB2404	1,220	-1.6%	300	150	27,450	682	(538)	25,000	5.00	12/08/2025
CTCB2405	350	0.0%	0	11	27,450	165	(185)	26,868	5.00	26/03/2025
CTCB2406	430	0.0%	0	105	27,450	269	(161)	27,979	5.00	26/06/2025
CTCB2501	2,450	2.5%	7,200	133	27,450	2,026	(424)	24,000	2.00	24/07/2025
CTCB2502	2,090	0.0%	110,500	70	27,450	1,855	(235)	24,000	2.00	22/05/2025
CTCB2503	2,330	1.3%	179,100	224	27,450	1,593	(737)	26,000	2.00	23/10/2025
CTCB2504	1,350	-1.5%	3,400	298	27,450	753	(597)	24,500	6.00	07/01/2026
CTCB2505	1,760	0.0%	0	105	27,450	1,083	(677)	26,400	2.00	26/06/2025
CTCB2506	1,430	-7.1%	8,300	220	27,450	951	(479)	25,000	4.00	21/10/2025
CTPB2403	520	6.1%	3,000	58	16,350	92	(428)	17,500	3.00	12/05/2025
CTPB2404	20	-33.3%	311,400	11	16,350	1	(19)	17,888	4.00	26/03/2025
CTPB2405	260	30.0%	4,000	105	16,350	45	(215)	18,999	4.00	26/06/2025
CTPB2501	760	-3.8%	11,800	105	16,350	436	(324)	17,700	1.00	26/06/2025
CVHM2406	1,070	-5.3%	61,700	133	47,800	547	(523)	50,000	4.00	24/07/2025
CVHM2407	520	-7.1%	411,900	42	47,800	285	(235)	49,000	4.00	24/04/2025
CVHM2408	3,070	-1.9%	1,357,800	232	47,800	2,731	(339)	38,000	4.00	31/10/2025
CVHM2409	2,020	-1.9%	400	150	47,800	1,412	(608)	42,000	5.00	12/08/2025
CVHM2410	280	-17.6%	33,200	11	47,800	146	(134)	47,999	5.00	26/03/2025
CVHM2411	820	-4.7%	4,000	105	47,800	325	(495)	50,555	5.00	26/06/2025
CVHM2501	1,440	-4.6%	1,859,700	70	47,800	1,255	(185)	42,000	5.00	22/05/2025
CVHM2502	1,740	-2.2%	55,300	224	47,800	1,140	(600)	45,000	5.00	23/10/2025
CVHM2503	2,000	-9.1%	300	388	47,800	1,281	(719)	42,000	7.00	07/04/2026
CVHM2504	2,400	-25.0%	22,000	105	47,800	2,358	(42)	44,500	2.00	26/06/2025
CVIB2402	650	1.6%	340,700	65	20,500	451	(199)	20,515	1.71	19/05/2025
CVIB2405	1,380	3.0%	346,800	42	20,500	1,284	(96)	18,000	2.00	24/04/2025
CVIB2406	680	1.5%	781,600	133	20,500	515	(165)	19,000	4.00	24/07/2025
CVIB2407	2,070	3.5%	13,900	232	20,500	1,576	(494)	18,000	2.00	31/10/2025
CVIB2408	800	0.0%	0	58	20,500	337	(463)	19,500	4.00	12/05/2025
CVIB2501	730	2.8%	122,700	70	20,500	538	(192)	20,000	2.00	22/05/2025
CVIB2502	1,220	0.0%	54,600	224	20,500	644	(576)	21,000	2.00	23/10/2025
CVIB2503	2,300	0.0%	0	105	20,500	690	(1,610)	21,200	1.00	26/06/2025
CVIC2404	2,460	0.4%	128,100	42	52,100	2,308	(152)	43,000	4.00	24/04/2025
CVIC2405	2,890	-1.7%	1,082,400	133	52,100	2,423	(467)	43,000	4.00	24/07/2025
CVIC2406	1,030	-7.2%	164,900	11	52,100	1,050	20	46,888	5.00	26/03/2025
CVIC2407	1,390	-3.5%	23,800	105	52,100	895	(495)	48,999	5.00	26/06/2025
CVIC2501	2,600	-3.0%	165,500	70	52,100	2,462	(138)	40,000	5.00	22/05/2025
CVIC2502	2,400	-2.8%	479,000	224	52,100	1,719	(681)	45,000	5.00	23/10/2025
CVIC2503	3,100	-6.1%	11,700	105	52,100	3,303	203	42,600	3.00	26/06/2025
CVJC2401	40	33.3%	4,100	11	99,100	0	(40)	119,999	10.00	26/03/2025
CVJC2501	610	-23.8%	142,000	105	99,100	243	(367)	106,100	6.00	26/06/2025
CVNM2401	560	5.7%	142,600	65	63,000	246	(314)	63,331	7.68	19/05/2025
CVNM2405	180	12.5%	762,900	42	63,000	65	(115)	67,472	3.97	24/04/2025
CVNM2406	600	9.1%	725,300	133	63,000	262	(338)	68,464	3.97	24/07/2025
CVNM2407	650	4.8%	182,100	232	63,000	381	(269)	67,472	5.95	31/10/2025
CVNM2408	30	0.0%	119,200	11	63,000	0	(30)	76,271	7.94	26/03/2025
CVNM2501	540	12.5%	475,500	70	63,000	289	(251)	64,495	4.96	22/05/2025
CVNM2502	1,310	4.8%	154,300	224	63,000	588	(722)	65,488	4.96	23/10/2025
CVNM2503	1,890	4.4%	81,200	374	63,000	635	(1,255)	68,464	4.96	24/03/2026
CVNM2504	1,430	-0.7%	21,000	206	63,000	492	(938)	65,000	6.00	07/10/2025
CVNM2505	740	-1.3%	10,100	105	63,000	226	(514)	67,800	4.00	26/06/2025
CVPB2401	750	21.0%	1,972,700	65	20,200	498	(252)	19,939	1.90	19/05/2025

CVPB2407	370	12.1%	1,840,100	133	20,200	207	(163)	21,000	4.00	24/07/2025
CVPB2408	280	33.3%	2,690,700	42	20,200	152	(128)	21,000	2.00	24/04/2025
CVPB2409	790	17.9%	1,819,700	232	20,200	441	(349)	22,000	2.00	31/10/2025
CVPB2410	980	11.4%	21,500	150	20,200	305	(675)	21,000	3.00	12/08/2025
CVPB2411	70	75.0%	1,194,300	11	20,200	5	(65)	21,666	2.00	26/03/2025
CVPB2412	400	37.9%	630,200	105	20,200	118	(282)	22,777	2.00	26/06/2025
CVPB2501	1,500	11.9%	1,334,000	224	20,200	837	(663)	20,000	2.00	23/10/2025
CVPB2502	1,820	7.7%	283,700	374	20,200	868	(952)	21,000	2.00	24/03/2026
CVPB2503	1,000	26.6%	1,615,700	70	20,200	786	(214)	19,000	2.00	22/05/2025
CVPB2504	1,590	6.7%	124,000	388	20,200	749	(841)	20,000	3.00	07/04/2026
CVPB2505	1,020	2.0%	5,100	105	20,200	688	(332)	21,000	1.00	26/06/2025
CVPB2506	1,150	9.5%	163,000	203	20,200	745	(405)	20,200	2.00	02/10/2025
CVRE2405	460	2.2%	187,500	42	18,700	331	(129)	19,000	2.00	24/04/2025
CVRE2406	470	0.0%	407,500	133	18,700	340	(130)	19,000	4.00	24/07/2025
CVRE2407	1,970	-1.0%	407,900	232	18,700	1,800	(170)	16,000	2.00	31/10/2025
CVRE2408	840	1.2%	100	150	18,700	358	(482)	20,000	3.00	12/08/2025
CVRE2409	60	-25.0%	1,749,500	11	18,700	12	(48)	19,999	4.00	26/03/2025
CVRE2410	210	5.0%	321,000	105	18,700	86	(124)	21,888	4.00	26/06/2025
CVRE2501	740	-7.5%	192,700	101	18,700	558	(182)	18,000	3.00	24/06/2025
CVRE2502	1,230	-1.6%	584,600	70	18,700	1,055	(175)	17,000	2.00	22/05/2025
CVRE2503	1,610	-3.6%	55,900	224	18,700	1,166	(444)	18,000	2.00	23/10/2025
CVRE2504	1,850	0.0%	0	105	18,700	1,744	(106)	17,900	1.00	26/06/2025
CVRE2505	2,030	0.0%	0	220	18,700	1,449	(581)	17,000	2.00	21/10/2025

(*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền

(**) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK	Sàn	Ngày ra báo cáo	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
HAH	HOSE	17/02/2025	48,200	61,200	27.0%	Mua
PNJ	HOSE	11/02/2025	87,900	111,700	27.1%	Mua
HPG	HOSE	10/02/2025	27,850	32,400	16.3%	Tăng tỷ trọng
DRI	UPCOM	04/02/2025	14,767	15,100	2.3%	Nắm giữ
DPR	HOSE	01/04/2025	45,600	43,500	-4.6%	Giảm tỷ trọng
VNM	HOSE	21/01/2025	63,000	72,500	15.1%	Tăng tỷ trọng
STB	HOSE	13/01/2025	38,850	38,800	-0.1%	Giảm tỷ trọng
ACB	HOSE	31/12/2024	26,200	31,900	21.8%	Mua
MBB	HOSE	31/12/2024	24,300	31,100	28.0%	Mua
MSB	HOSE	31/12/2024	12,100	13,600	12.4%	Tăng tỷ trọng
SHB	HOSE	31/12/2024	11,250	12,400	10.2%	Tăng tỷ trọng
TCB	HOSE	31/12/2024	27,450	30,700	11.8%	Tăng tỷ trọng
TPB	HOSE	31/12/2024	16,350	19,700	20.5%	Mua
VIB	HOSE	31/12/2024	20,500	22,900	11.7%	Tăng tỷ trọng
VPB	HOSE	31/12/2024	20,200	24,600	21.8%	Mua
CTG	HOSE	31/12/2024	42,600	42,500	-0.2%	Giảm tỷ trọng
HDB	HOSE	31/12/2024	23,400	28,000	19.7%	Tăng tỷ trọng
VCB	HOSE	31/12/2024	67,300	69,900	3.9%	Nắm giữ
BID	HOSE	31/12/2024	40,350	41,300	2.4%	Nắm giữ
LPB	HOSE	31/12/2024	34,700	28,700	-17.3%	Bán
MSH	HOSE	31/12/2024	58,000	58,500	0.9%	Nắm giữ
TCM	HOSE	31/12/2024	41,550	50,800	22.3%	Mua
IDC	HNX	31/12/2024	54,100	72,000	33.1%	Mua
SZC	HOSE	31/12/2024	44,550	49,500	11.1%	Tăng tỷ trọng

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP Chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

BCM	HOSE	31/12/2024	81,800	80,000	-2.2%	Giảm tỷ trọng
SIP	HOSE	31/12/2024	90,900	88,000	-3.2%	Giảm tỷ trọng
DBD	HOSE	31/12/2024	57,000	68,000	19.3%	Tăng tỷ trọng
IMP	HOSE	31/12/2024	47,400	41,800	-11.8%	Bán
VHC	HOSE	31/12/2024	67,400	83,900	24.5%	Mua
ANV	HOSE	31/12/2024	17,200	17,200	0.0%	Nắm giữ
FMC	HOSE	31/12/2024	48,000	50,300	4.8%	Nắm giữ
SAB	HOSE	31/12/2024	51,600	64,000	24.0%	Mua
MWG	HOSE	31/12/2024	62,000	73,600	18.7%	Tăng tỷ trọng
VSC	HOSE	31/12/2024	17,550	18,200	3.7%	Nắm giữ
GMD	HOSE	31/12/2024	58,000	71,000	22.4%	Mua
PVT	HOSE	31/12/2024	25,400	31,500	24.0%	Mua

Nguồn: PHS

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp** – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%.

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower,

8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: 1900 25 23 58

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby

81-83-83B-85 Hàm Nghi,

P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 535 6060

Fax: (+84-28) 3 535 2912

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08,

107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận

7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower,

458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2,

Quận 3, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex,

N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung

Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend,

251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận

Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2401

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco,

18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng,

Hải Phòng

Phone: (+84-22) 384 1810

Fax: (+84-22) 384 1801